**BẢNG CÂU HỎI & GIẤY YÊU CẦU**

**BẢO HIỂM MỌI RỦI RO LẮP ĐẶT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. Tên công trình**  (nếu công trình chia thành nhiều hạng mục, đề nghị ghi rõ hạng mục nào được bảo hiểm) |  | |
|  | |
|  | |
|  | |
| **2. Địa điểm công trình**  Nước/Tỉnh/Huyện  Thành phố/Thị trấn/Xã |  | |
|  | |
|  | |
|  | |
| **3. Tên và địa chỉ của chủ đầu tư (chủ giao thầu)** |  | |
|  | |
| **4. Tên và địa chỉ của chủ thầu chính** |  | |
|  | |
|  | |
| **5. Tên và địa chỉ của các nhà thầu phụ** |  | |
|  | |
|  | |
| **6. Tên và địa chỉ của người chế tạo các hạng mục chính** |  | |
|  | |
|  | |
| **7. Tên và địa chỉ của công ty giám sát công việc lắp đặt** |  | |
|  | |
|  | |
| **8. Tên và địa chỉ của kỹ sư tư vấn** |  | |
|  | |
|  | |
| **9. Bên mua bảo hiểm** | Đề nghị ghi rõ người nào từ mục 3 đến mục 8 trên đây là Bên mua bảo hiểm và những bên nào được khai báo là Người được bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm. | |
| Bên mua bảo hiểm ở mục số:  Người được bảo hiểm ở mục số: | |
| **10.Nêu rõ loại thiết bị được lắp đặt (nếu là thiết bị cũ - second hand thì đề nghị ghi rõ)**  Nếu là máy móc: tên người chế tạo, số, loại, kích thước, công suất, trọng lượng, áp suất, nhiệt độ...  Nếu là nhà máy hoàn chỉnh: sơ đồ tổng thể, tính chất các công việc xây dựng (nếu có) |  | |
|  | |
|  | |
|  | |
|  | |
|  | |
|  | |
|  | |
|  | |
| **11. Thời gian bảo hiểm** | Bắt đầu thời hạn bảo hiểm | |
| Thời gian lưu kho trước khi lắp ráp tháng | |
| Bắt đầu thời gian lắp đặt | |
| Thời gian lắp đặt/xây dựng tháng | |
| Thời gian chạy thử tuần | |
| Trường hợp yêu cầu bảo hiểm cả giai đoạn bảo hành | Thời gian bảo hành tháng | |
| Chấm dứt thời hạn bảo hiểm | |
| **12.** **Loại sơ đồ, thiết kế và nguyên vật liệu của công trình này được sử dụng và/hoặc thử trong**  \*Đề nghị cho biết tên các công trình tương tự mà chủ thầu đó tiến hành xây lắp | a) Các công trình đó xây lắp trước đây  🞏 có 🞏 không | |
| b) Các công trình trước do chính chủ thầu tiến hành  🞏 có 🞏 không | |
|  | |
|  | |
|  | |
|  | |
| **13. Đây có phải là mở rộng nhà máy sẵn có không?**  \* Nhà máy vẫn tiếp tục hoạt động trong quá trình lắp đặt không? (kèm theo sơ đồ nếu có) | 🞏 có 🞏 không | |
|  | |
| 🞏 có 🞏 không | |
|  | |
| **14. Nhà xưởng va công việc xây dựng đó hoàn tất chưa?** | 🞏 có 🞏 không | |
|  | |
| **15. Các công việc do nhà thầu phụ đảm nhận** |  | |
|  | |
|  | |
| **16. Có khả năng xảy ra hiểm họa tích tụ rủi ro của:**  \* Nếu có, cho biết cụ thể | Đề nghị cho biết các thông tin từ câu hỏi số 16 đến số 21 càng nhiều càng tốt  Cháy 🞏 có 🞏 không | |
| Nổ 🞏 có 🞏 không | |
| **17. Mực nước ngầm** | Độ sâu từ mặt đất mét | |
| **18. Sông, hồ, biển... gần nhất**  Mực nước của các sông, hồ, biển... đó | Tên Khoảng cách (tới công trình) | |
| Thấp nhất 🞏 Trung bình 🞏 Mực nước cao nhất ghi nhận được .............. | |
| Độ cao trung bình của khu vực công trình | |
| **19. Điều kiện khí tượng** | Mùa mưa từ tới | |
| Lượng mưa cao nhất (mm) trong  🞏1 giờ 🞏1 ngày 🞏1 tháng | |
| Tốc độ gió lớn nhất  tần số bão 🞏 thấp 🞏 trung bình 🞏 cao | |
| **20. Các hiểm họa của động đất, núi lửa, sóng thần**  Điều kiện đất đai: | Trong lịch sử đó có nui lửa phun, sóng thần tại khu vực của nơi đặt công trình chưa?  🞏 có 🞏 không | |
| Đã có động đất xảy ra ở vùng này chưa?  🞏 có 🞏 không | |
| \* Nếu có nêu rỏ cường độ (Mercalli) độ lớn (Richter) | |
| Thiết kế của công trình được bảo hiểm có dựa trên các quy định về kiến trúc tại vùng có động đất không? 🞏 có 🞏 không | |
| 🞏 Đá  🞏 Sỏi 🞏 Cát  🞏 Đất sét 🞏 Đất mượn | |
| Các loại đất đai khác: | |
| Có các khiếm khuyết địa chấn trong khu vực?  🞏 có 🞏 không | |
| **21. Nếu có thể, ước tính tỷ lệ thiệt hại lớn nhất có thể xảy ra đối với giá trị bảo hiểm, trong một sự cố do** | a) Động đất  b) Hỏa hoạn | |
| c) Các hiểm họa khác  (Ghi cụ thể) | |
| **22.** **Có yêu cầu bảo hiểm cho trang thiết bị xây/lắp (dàn giáo, lán trại, dụng cụ...) không?**  \* Cho biết sơ bộ và ghi rõ giá trị của hạng mục này vào mục  số 28.3 dưới đây | 🞏 có 🞏 không | |
|  | |
|  | |
|  | |
|  | |
| **23. Có yêu cầu bảo hiểm cho trang thiết bị xây/lắp (máy xúc, ủi, cần cẩu vv...) không?**  \* Đính kèm danh mục các máy móc chủ yếu với giá trị mua mới và ghi tổng số giá trị của máy móc vào mục số 28.4 dưới đây. | 🞏 có 🞏 không | |
|  | |
|  | |
|  | |
|  | |
|  | |
|  | |
| **24. Có yêu cầu bảo hiểm các ngôi nhà và/hoặc các công trình kiến trúc, có sẵn trên hay nằm kề sát bên công trường, thuộc sở hữu, chăm nom hay coi sóc của chủ thầu hay chủ đầu tư, cho các thiệt hại phát sinh do hậu quả trực tiếp hay gián tiếp của công việc xây dựng không?** | 🞏 có 🞏 không | |
| \*) Miêu tả cụ thể các ngôi nhà/công trình kiến trúc đó: | |
|  | |
|  | |
|  | |
|  | |
|  | |
|  | |
| **25. Có yêu cầu bảo hiểm trách nhiệm đối với người thứ ba không?**  \* Nếu sơ bộ các ngôi nhà, và/hoặc các công trình kiến trúc không thuộc Chủ đầu tư hay chủ thầu (kèm theo sơ đồ nếu được)  Ghi rõ giới hạn trách nhiệm muốn được bảo hiểm vào mục số 28.6 dưới đây | 🞏 có 🞏 không | |
|  | |
|  | |
|  | |
|  | |
|  | |
|  | |
|  | |
|  | |
|  | |
| **26. Có yêu cầu bảo hiểm thêm cả các chi phí phụ (trường hợp có tổn thất) cho:** | Vận chuyển nhanh (express), làm nghề giờ, làm đêm,  làm trong ngày lễ? 🞏 có 🞏 không | |
| Vận chuyển bằng máy bay 🞏 có 🞏 không | |
| **27. Ghi rõ các yêu cầu đặc biệt muốn được mở rộng phạm vi bảo hiểm** |  | |
|  | |
|  | |
| **28. Nêu rõ số tiền và giới hạn trách nhiệm cần thiết muốn bảo hiểm** |  | Loại tiền: VND |
| **Phần I - Thiệt hại vật chất** | Hạng mục được bảo hiểm | Số tiền bảo hiểm  *(ghi riêng từng khoản dưới đây)* |
| 1. Công tác lắp đặt, chia ra như sau:  1.1. Các hạng mục được lắp ráp  1.2. Cước phí vận chuyển  1.3. Thuế Hải quan và thuế khác  1.4. Chi phí lắp đặt |  |
|  |
|  |
|  |
|  |
| 2. Công việc phần xây dựng |  |
| 3. Trang thiết bị xây/lắp |  |
| 4. Máy móc xây/lắp |  |
| 5. Chi phí dọn dẹp vệ sinh (giới hạn) |  |
| 6. Tài sản nằm trên đất của Chủ đầu tư hay khu vực công trường, thuộc quyền sở hữu, quản lý, kiểm soát, coi sóc (Giới hạn bồi thường - xem khoản 3.4 Điều 9 của Quy tắc bảo hiểm lắp đặt) |  |
| **Tổng số tiền được bảo hiểm theo phần I** |  |
| Ghi rõ giới hạn yêu cầu bồi thường trong các trường hợp xảy ra hiểm họa sau: | |
| Các rủi ro đặc biệt được bảo hiểm | Giới hạn trách nhiệm (1) |
| Động đất, núi lửa, sóng thần |  |
| Bão, lốc, lũ, lụt, đất lở |  |
| **Phần II - Trách nhiệm đối với người thứ ba** | Đối tượng được bảo hiểm | Giới hạn trách nhiệm (2) |
| 1. Thương tật  1.1. Cho mỗi người  1.2. Tổng số |  |
|  |
|  |
| 2. Thiệt hại tài sản |  |
| 3. Trường hợp yêu cầu giới hạn trách nhiệm hỗn hợp |  |

(1) Giới hạn trách nhiệm liên quan đến mỗi và mọi tổn thất và/hoặc một loạt các tổn thất nhưng phát sinh từ một sự cố

(2) Giới hạn trách nhiệm liên quan đến một hay một loạt tai nạn nhưng phát sinh từ một sự cố.

*Chúng tôi xin cam kết rằng, lời kê khai trong Giấy yêu cầu bảo hiểm này là đầy đủ và trung thực mà chúng tôi có được. Chúng tôi cũng xin thỏa thuận rằng, Giấy yêu cầu bảo hiểm này là cơ sở đồng thời là bộ phận không tách rời của hợp đồng bảo hiểm được cấp liên quan tới các rủi ro trên. Chúng tôi hiểu và thỏa thuận rằng, doanh nghiệp bảo hiểm chỉ chịu trách nhiệm phù hợp với những điều khoản của hợp đồng bảo hiểm và chúng tôi (Người được bảo hiểm), dưới bất kỳ hình thức nào, cũng không đưa ra bất kỳ khiếu nại nào khác. Doanh nghiệp bảo hiểm tiếp nhận các thông tin trên hoàn toàn tin tưởng.*

Khai tại ...................................................... ngày........... tháng............ năm

**Người yêu cầu**

*(ký tên, đóng dấu)*